

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

**Địa chỉ : 58 Yersin - Phường Phương Sơn - Nha trang**

=====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV - NĂM 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT**  
**NƯỚC KHÁNH HÒA**

Khánh hòa ngày 20 tháng 1 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

KHOẢN MỤC	mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>150.626.393.420,</b>	<b>148.563.076.542,</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>41.629.301.994,</b>	<b>38.379.580.210,</b>
1. Tiền	111		20.629.301.994,	17.379.580.210,
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000,	21.000.000.000,
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>34.000.000.000,</b>	<b>41.000.000.000,</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		,	,
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		,	,
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.000.000.000,	41.000.000.000,
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.155.980.730,</b>	<b>30.495.842.322,</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.645.263.203,	27.189.262.268,
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.111.262.020,	2.186.899.400,
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		,	,
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		,	,
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		,	,
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		399.455.507,	1.119.680.654,
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		,	,
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		,	,
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.967.461.843,</b>	<b>33.771.346.030,</b>
1. Hàng tồn kho	141		38.967.461.843,	33.771.346.030,
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		,	,
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.873.648.853,</b>	<b>4.916.307.980,</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		,	354.368.963,
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.466.025.284,	912.435.118,
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.407.623.569,	3.649.503.899,
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		,	,
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		,	,
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>387.821.311.505,</b>	<b>320.984.535.425,</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		,	,
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		,	,
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		,	,
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		,	,
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		,	,
6. Phải thu dài hạn khác	216		,	,
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		,	,
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>357.498.477.162,</b>	<b>281.438.952.686,</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		339.631.834.613,	262.213.079.283,
- Nguyên giá	222		599.647.060.311,	496.015.005.625,
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-260.015.225.698,	-233.801.926.342,
2. TSCĐ thuê tài chính	224		,	,

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>		<b>17.866.642.549</b>	<b>19.225.873.403</b>
- Nguyên giá	228		22.698.885.000	22.698.885.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.832.242.451)	(3.473.011.597)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>22.861.449.550</b>	<b>11.165.765.601</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.863.969.272	1.904.803.767
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.997.480.278	9.260.961.834
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.861.384.793</b>	<b>27.379.817.138</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.861.384.793	27.379.817.138
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>538.447.704.925</b>	<b>469.547.611.967</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>244.088.894.741</b>	<b>185.196.939.171</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.253.153.009</b>	<b>83.176.681.439</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.293.697.355	15.324.053.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.239.686.000	3.579.734.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		24.274.062.340	24.920.803.604
4. Phải trả người lao động	314		19.963.967.000	21.627.506.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.798.542.077	2.584.915.122
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65.024.545	106.045.453
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		359.179.414	332.414.059
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		11.546.160.000	11.006.160.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.712.834.278	3.695.049.278
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>170.835.741.732</b>	<b>102.020.257.732</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		8.403.583.354	10.622.835.354
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		162.432.158.378	91.397.422.378
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>294.358.810.184</b>	<b>284.350.672.796</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>294.358.810.184</b>	<b>284.350.672.796</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp của Nhà nước	411A		206.000.000.000	206.000.000.000
- Vốn góp của các thể nhân khác	411B		54.000.000.000	54.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.349.780.000	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.156.154.249	23.497.796.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		2.610.791.861	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		28.545.362.388	23.497.796.861
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>538.447.704.925</b>	<b>469.547.611.967</b>

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)



**Nguyễn Văn Quân**

TỔNG GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Trần Văn Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA  
58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Cả năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		71.090.788.766	67.474.648.274	240.686.323.096	204.782.883.763
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01A		71.090.788.766	67.474.648.274	240.686.323.096	204.782.883.763
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/đ phải nộp	01B					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		75.815.001	115.732.306	83.754.365	125.954.082
+ Chiết khấu thương mại	02A					
+ Giảm giá	02B					
+ Hàng bán bị trả lại	02C		10.790.456	9.686.853	18.729.820	19.908.629
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D		65.024.545	106.045.453	65.024.545	106.045.453
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		71.014.973.765	67.358.915.968	240.602.568.731	204.656.929.681
4. Giá vốn hàng bán	11		60.857.806.987	55.670.557.811	200.759.622.974	169.731.786.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.157.166.778	11.688.358.157	39.842.945.757	34.925.143.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.421.613.729	742.562.557	4.105.630.901	3.473.990.018
7. Chi phí tài chính	22		1.499.331.097	1.708.301.358	5.390.487.833	5.936.679.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.499.331.097	1.708.301.358	5.390.487.833	5.936.679.348
8. Chi phí bán hàng	25		13.080.000		246.935.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.813.200.743	1.437.238.685	5.750.010.357	5.395.480.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		8.253.168.667	9.285.380.671	32.561.143.468	27.066.973.105
11. Thu nhập khác	31		1.651.852.341	2.971.009.504	4.624.211.328	5.992.503.692

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Cả năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
12. Chi phí khác	32		1.841.819.206	3.471.651.080	4.506.773.124	6.116.932.684
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-189.966.865	-500.641.576	117.438.204	-124.428.992
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.063.201.802	8.784.739.095	32.678.581.672	26.942.544.113
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.143.880.081	1.459.308.643	4.133.219.284	3.444.747.252
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A					
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	52B					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.919.321.721	7.325.430.452	28.545.362.388	23.497.796.861
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Khánh Hòa ngày 20 tháng 01 năm 2016

Lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Trần Văn Huy

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		305.721.168.441	269.255.598.294
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(126.530.084.574)	(96.849.032.427)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(70.369.845.395)	(55.476.153.700)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.571.689.441)	(5.430.102.327)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.891.338.954)	(4.700.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.093.678.474	4.145.554.058
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(87.946.248.296)	(137.195.277.239)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28.505.640.255</b>	<b>(26.249.413.341)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.676.611.651)	(5.931.951.430)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.600.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		586.671.180	331.478.084
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.689.940.471)</b>	<b>(6.600.473.346)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			4.686.920.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.006.160.000)	(8.119.620.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.559.818.000)	(6.474.909.643)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.565.978.000)</b>	<b>(9.907.609.643)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.750.278.216)</b>	<b>(42.757.496.330)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>79.379.580.210</b>	<b>124.770.143.540</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>75.629.301.994</b>	<b>82.012.647.210</b>

Ngày 01 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Quân

TỔNG GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Huy



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý IV năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hiện nay, Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

- Cấu trúc của Công ty**

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Khai thác, xử lý, cung cấp nước	30%	30%

- Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 321 người).

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2015 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đây là kỳ kế toán thứ 2 của Công ty.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

## **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

## **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Ký quỹ vô chai, phải thu thuế Thu nhập cá nhân của Công nhân viên và các khoản tạm ứng nhân viên.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Ký quỹ vỏ chai, phải thu thuế Thu nhập cá nhân của Công nhân viên và các khoản tạm ứng nhân viên.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10

### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định khác của Công ty.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 5 năm.

#### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước Thành phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,...chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 10. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

### 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thay mới đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

#### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### *Phân phối lợi nhuận thuần*

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### 14. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu

## 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## 16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

## 17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 31/12/2015	Số dư 01/01/2015
Tiền mặt	5.657.870	19.568.776
Tiền gửi ngân hàng	20.623.644.124	17.360.011.434
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.629.301.994</b>	<b>17.379.580.210</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	14.000.000.000	33.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	20.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	9.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>62.000.000.000</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 34.000.000.000 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62.000.000.000 đồng), lãi suất từ 5,3% đến 5,7%/năm.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số dư 31/12/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Phải thu tiền nước khách hàng	25.925.593.190	21.683.231.268
Phải thu hoạt động xây lắp	862.911.651	512.484.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	2.148.863.000	4.993.547.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.645.263.203</u></b>	<b><u>27.189.262.268</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	-	912.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn Hà minh	397.376.000	-
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	310.271.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường ( Ideca)	98.000.000	437.910.000
Công ty TNHH Trung Nguyễn	-	549.869.400
Các khách hàng khác	305.615.020	287.120.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.111.262.020</u></b>	<b><u>2.186.899.400</u></b>
(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	-	912.000.000

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số dư 31/12/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	241.931.507	-	-	-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên	-	-	1.017.870.100	-
Phải thu tiền BHXH	-	-	17.805.152	-
Tạm ứng nhân viên	105.000.000	-	135.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>399.455.507</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.190.675.252</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

Nguyên liệu, vật liệu	38.967.461.843	33.190.983.877
<b>Cộng</b>	<b><u>38.967.461.843</u></b>	<b><u>33.190.983.877</u></b>

**7. Chi phí trả trước**

<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	-	354.368.963
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	317.414.963
Hệ thống nước	-	-
Đồng hồ thay mới	-	-
Chi phí khác	-	36.954.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

	<u>Số dư 31/12/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	3.861.384.793	27.379.817.138
Lợi thế kinh doanh	1.360.936.983	2.721.873.951
Đồng hồ thay mới		8.923.738.341
Hệ thống nước		14.931.308.139
Chi phí khác	2.500.447.810	802.896.707
<b>Cộng (*)</b>	<u><u>3.861.384.793</u></u>	<u><u>27.734.186.101</u></u>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2015	48.202.105.301	89.670.675.463	357.168.429.481	973.795.380	496.015.005.625
Tăng trong kỳ	10.056.028.545	78.356.351.619	37.138.818.728	807.000.000	23.864.887.055
Mua sắm mới	-	62.543.606.619	856.898.182	807.000.000	5.453.068.055
Chuyển từ XD/CB sang	10.056.028.545	15.812.745.000	36.281.920.546	-	18.411.819.000
Giảm trong kỳ	-904.503.339	-18.359.549.228	-3.375.981.503	-86.110.136	-
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>57.353.630.507</b>	<b>149.667.477.854</b>	<b>390.931.266.706</b>	<b>1.694.685.244</b>	<b>599.647.060.311</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2015	21.707.869.156	50.904.794.171	160.389.941.484	799.321.531	233.801.926.342
Tăng trong kỳ	3.738.720.212	13.621.290.153	30.896.781.032	341.852.892	48.598.644.289
Khấu hao trong kỳ	3.738.720.212	13.621.290.153	30.896.781.032	341.852.892	48.598.644.289
Giảm trong kỳ	-904.503.339	-18.296.164.231	-3.101.514.204	-83.163.159	-22.385.344.933
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>23.418.638.800</b>	<b>56.828.563.699</b>	<b>175.062.814.539</b>	<b>973.672.726</b>	<b>260.015.225.698</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2015	26.494.236.145	38.765.881.292	196.778.487.997	174.473.849	262.213.079.283
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>33.934.991.707</b>	<b>92.838.914.155</b>	<b>215.868.452.167</b>	<b>721.012.518</b>	<b>399.631.834.613</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư 01/01/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư 01/1/2015</b>	<b>19.498.185.000</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>620.796.000</b>	<b>22.698.885.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư 01/01/2015	1.559.854.800	1.671.736.709	241.420.088	3.473.011.597
Tăng trong kỳ	779.917.400	537.917.050	41.386.404	1.359.230.854
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>2.339.782.200</b>	<b>2.209.653.759</b>	<b>282.806.492</b>	<b>4.832.242.451</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư 01/01/2015	17.938.330.200	908.167.291	379.375.912	19.225.873.403
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>17.162.402.800</b>	<b>370.250.241</b>	<b>337.989.508</b>	<b>17.866.642.549</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số dư 31/12/2015	Số dư 01/01/2015
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	1.863.969.272	2.485.165.920
<b>Cộng</b>	<b>1.863.969.272</b>	<b>2.485.165.920</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình tuyến ống cấp nước DN 300 từ đường Nguyễn Khuyến - Ngã ba Hòn Xện	-	2.769.873.973
Công trình tuyến ống cấp nước từ Ngã Ba Thành đi tỉnh lộ 2	-	1.773.348.323
Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	2.783.558.744	2.259.749.016
Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang	1.053.702.202	409.027.272
Các công trình tuyến ống cấp nước	9.720.362.034	902.886.677
Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điền - Diên Phú	7.408.396.594	603.630.195
Chợ Lương Sơn đến Trường THCS Nguyễn Việt Xuân	-	542.446.378
<b>Cộng</b>	<b>20.966.019.574</b>	<b>9.260.961.834</b>

### 12. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	3.600.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

(\*) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tổng số vốn góp là 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 3.600.000.000VND, tương đương 15% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 20.400.000.000VND.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số dư 31/12/2015		Số dư 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	691.863.000	691.863.000	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Á Châu	-	-	986.000.000	986.000.000
Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến	-	-	2.403.466.560	2.403.466.560
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	-	-	1.887.721.000	1.887.721.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Số dư 31/12/2015</b>		<b>Số dư 01/01/2015</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Cty Gia Hội	225.000.000	225.000.000	-	-
Công ty Cổ phần truyền thông Adtec	403.000.000	403.000.000	2.217.600.000	2.217.600.000
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	-	-	755.224.000	755.224.000
Công ty TNHH Dững Lợi	4.030.122.000	4.030.122.000	3.377.427.000	3.377.427.000
Công ty Cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa	917.617.000	917.617.000	1.706.554.370	1.706.554.370
Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Việt Phố	102.000.000	102.000.000	875.722.500	875.722.500
Các nhà cung cấp khác	1.924.095.355	1.924.095.355	1.114.338.348	1.114.338.348
<b>Cộng</b>	<b>8.293.697.355</b>	<b>8.293.697.355</b>	<b>15.324.053.778</b>	<b>15.324.053.778</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>Số dư 01/01/2015</b>
Người mua trả trước cho hoạt động xây lắp và thiết kế	2.239.686.000	3.579.734.000
<b>Cộng</b>	<b>2.239.686.000</b>	<b>3.579.734.000</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số dư 31/12/2015</b>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	177.562.789	177.562.789	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.649.503.899)	4.133.219.284	1.891.338.954	-1.407.623.569
Thuế thu nhập cá nhân	1.001.128.654	1.054.473.500	1.918.651.154	136.951.000
Tiền thuê đất	19.498.185.000	-	-	19.498.185.000
Các loại thuế khác	119.888.800	1.599.234.773	1.591.043.173	128.080.400
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế tài nguyên</i>	119.888.800	1.549.909.320	1.541.717.720	128.080.400
<i>Thuế nhà đất (*)</i>	-	46.325.453	46.325.453	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.301.601.150	49.224.789.089	49.015.544.299	4.510.845.940
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	-	3.442.130.916	3.145.794.813	296.336.103
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	4.003.468.550	44.480.177.613	44.597.624.926	3.886.021.237
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	298.132.600	1.302.480.560	1.272.124.560	328.488.600
<b>Cộng</b>	<b>21.271.299.705</b>	<b>56.189.279.462</b>	<b>54.594.140.396</b>	<b>22.866.438.771</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Hoạt động cung cấp nước sạch : 10%

+ Hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác : 22%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số dư 31/12/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	330.332.388	506.577.021
Chi phí công trình	942.111.480	1.230.314.603
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	317.007.890	324.000.000
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	192.900.000	131.600.000
Chi phí tiền điện sản xuất	337.701.000	-
Chi phí khác	678.489.319	392.423.498
<b>Cộng</b>	<b><u>2.798.542.077</u></b>	<b><u>2.584.915.122</u></b>

### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu lắp đặt ống nhánh tư gia	65.024.545	106.045.453
<b>Cộng</b>	<b><u>65.024.545</u></b>	<b><u>106.045.453</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Phải trả khác**

	<u>Số dư 31/12/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>359.919.244</b>	<b>471.408.657</b>
Kinh phí công đoàn	288.611.884	281.474.741
Trích nộp Bảo hiểm xã hội	-	-
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	71.307.360	68.744.470
Thuế TNCN còn phải trả cho CNV	-	53.189.446
Chi phí bảo lãnh dự thầu	-	68.000.000
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>8.403.583.354</b>	<b>10.554.835.354</b>
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	8.126.400.000	9.903.200.000
Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên	277.183.354	251.635.354
Khoản tiền nhận cho Công trình Khu kinh tế mới Chín Khúc - An Ninh - Diên An - Diên Khánh	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.403.583.354</u></b>	<b><u>11.026.244.011</u></b>

(\*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng/ lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

**19. Vay và nợ tài chính**

	<u>Số dư 31/12/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11.546.160.000</b>	<b>11.546.160.000</b>	<b>11.006.160.000</b>	<b>11.006.160.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa	2.520.000.000	2.520.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>162.432.158.378</b>	<b>108.499.221.378</b>	<b>91.397.422.378</b>	<b>91.397.422.378</b>
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	67.696.200.978	67.696.200.978	76.722.360.978	76.722.360.978
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (ii)	16.848.061.400	16.848.061.400	14.675.061.400	14.675.061.400
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa (iii)	77.887.896.000	77.887.896.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>173.978.319.378</u></b>	<b><u>173.978.319.378</u></b>	<b><u>102.403.582.378</u></b>	<b><u>102.403.582.378</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa với hạn mức 135.392.400.978 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn vay là 25 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc 20 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 đến ngày 01 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 76.722.360.978 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi Chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ-UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

(ii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát Triển Khánh Hòa với hạn mức 28.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “Cấp nước sạch xã Vĩnh Lương”, và Dự án cấp nước Diên Thủy – Diên Sơn – Diên Phú biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29 %/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.368.061.400 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa với hạn mức 78.987.739.865 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này dùng để Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Khoản vay này chịu lãi suất 0%. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 77.887.896.000 VND.

### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Khoản mục	Số dư 01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi/ sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 30/6/2015
Quỹ khen thưởng	(280.942.000)	2.349.780.000	-	(2.113.130.000)	(44.292.000)
Quỹ phúc lợi	3.975.991.278	-	116.000.000	(334.865.000)	3.757.126.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	587.445.000	-	(587.445.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.695.049.278</b>	<b>2.937.225.000</b>	<b>116.000.000</b>	<b>(3.035.440.000)</b>	<b>3.712.834.278</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2015	260.000.000.000	852.875.935	-	23.497.796.861	284.350.672.796
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	28.545.362.388	28.545.362.388
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.349.780.000	(2.349.780.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.937.225.000)	(2.937.225.000)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	(15.600.000.000)	(15.600.000.000)
Số dư 31/12/2015	260.000.000.000	852.875.935	2.349.780.000	31.156.154.249	294.358.810.184

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Cổ phiếu**

	<u>Số dư 31/12/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 4 năm 2015</u>	<u>Quý 4 năm 2014</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>71.090.788.766</b>	<b>67.475.604.274</b>
Doanh thu sản xuất nước sạch	52.741.069.655	47.399.273.895
Doanh thu hoạt động xây lắp	18.296.327.122	19.971.282.364
Doanh thu khảo sát thiết kế	53.391.989	104.092.015
Doanh thu bán vật tư	-	956.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.790.456</b>	<b>9.686.853</b>
Hàng bán bị trả lại	10.790.456	9.686.853
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>71.079.998.310</b>	<b>67.465.917.421</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn sản xuất nước	44.441.305.194	38.324.111.690
Giá vốn xây lắp	16.280.535.370	17.008.743.158
Giá vốn thiết kế	135.966.423	337.628.713
Giá vốn bán vật tư	-	74.250
<b>Cộng</b>	<b>60.857.806.987</b>	<b>55.670.557.811</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	1.242.712.476	742.562.557
<b>Cộng</b>	<b>1.242.712.476</b>	<b>742.562.557</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí lãi vay	1.499.331.097	1.708.301.358
<b>Cộng</b>	<b>1.499.331.097</b>	<b>1.708.301.358</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.080.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.080.000</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	190.450.599	211.727.848
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.881.819	207.345.691
Chi phí khấu hao	79.893.674	72.337.405
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.146.371	71.624.451
Chi phí bằng tiền khác	1.434.828.280	874.203.290
<b>Cộng</b>	<b>1.813.200.743</b>	<b>1.437.238.685</b>

**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

Thu phí bảo vệ môi trường	987.620.993	948.027.800
Thu nhập khác	661.869.844	2.022.981.704
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.649.490.837</b>	<b>2.971.009.504</b>
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	1.248.961.550	1.217.535.890
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư	32.509.038	32.509.038
Chi phí tiền xăng dầu	65.073.560	62.543.480
Chi phí bị phạt	-	-
Chi phí khác	175.986.653	1.312.588.408
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.522.530.801</b>	<b>3.471.651.080</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>126.960.036</b>	<b>(500.641.576)</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.462.663.773	8.076.203.926
Chi phí máy	1.524.925.632	579.214.575
Chi phí nhân công	19.262.891.013	18.901.061.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.353.750.011	12.389.155.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.868.470.803	15.191.664.862
Chi phí khác bằng tiền	2.107.675.326	2.443.803.529
<b>Cộng</b>	<b>60.580.376.558</b>	<b>57.581.104.344</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 3.600.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ ( xem thuyết minh số V.12). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 20.400.000.000 VND.

### 2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

#### Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

#### Các bên liên quan

#### Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu Công ty liên kết

Trong Quý 4 năm 2015, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu</b>		
Góp vốn đầu tư	-	300.000.000
Trả tiền chi phí tư vấn giám sát thi công dự toán nâng công suất Nhà máy Võ Cạnh	246.518.000	53.766.000
Ứng trước 30%% tiền thi công hệ thống cấp nước Quốc lộ 1A – suối Dầu	177.000.000	-
Phải trả tiền thi công hệ thống cấp nước Quốc lộ 1A – suối Dầu	691.863.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Số dư 31/12/2015	Số dư 01/01/2015
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	691.863.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	912.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 3. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số dư 31/12/2015	Số dư 01/01/2015
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.629.301.994	17.379.580.210
Đầu tư ngắn hạn	34.000.000.000	62.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.645.263.203	27.189.262.268
Phải thu ngắn hạn khác	399.455.507	1.037.870.100
<b>Cộng</b>	<b>102.674.020.704</b>	<b>107.606.712.578</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	8.293.697.355	15.324.053.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.798.542.077	2.584.915.122
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.546.160.000	11.006.160.000
Phải trả dài hạn khác	8.403.583.354	10.554.835.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	108.499.221.378	91.397.422.378
<b>Cộng</b>	<b>139.541.204.164</b>	<b>130.867.386.632</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của hàng hóa, vật tư mua vào.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả tiền trước, đặt cọc hay trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm 2015 Theo Biên Bản thanh tra Bộ Tài Chính ngày 20/11/2015 thì Công ty phải nộp bổ sung thêm 391.338.954 đồng tiền thuế TND do xác định chi phí khấu hao và lãi vay không hợp lý trong niên độ kế toán 2014 nên phải loại trừ 3.156.750.721 đồng khi tính thuế TNDN nên tăng 391.338.954 đồng tiền thuế TNDN. Công ty không điều chỉnh trong năm 2014 và hạch toán bổ sung số tiền thuế phải nộp 391.338.954 vào năm 2015.

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2015



  
TRẦN VĂN HUY  
Chủ tịch HĐQT  
kiêm Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN QUÂN  
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN QUÂN  
Người lập biểu

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*